

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS – ST
Ngày 06 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lý A Tùng

2. bà Vi Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST – HS ngày 08/08/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST – HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Quàng Văn T** - tên gọi khác: không; sinh năm 1988 tại huyện C, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Đội N, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt nam; Con ông Quàng Văn Tr - SN 1964 và bà Tòng Thị S - SN 1966; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: có 01 tiền sự - tháng 7/2015 bị TAND huyện C áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; Tiền án: có 01 tiền án – tháng 4/2018 bị TAND huyện C xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tạm giữ: không; bắt tạm giam từ ngày 14/3/2019 cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Hà Nguyễn Đình Th** –tên gọi khác: không; Sinh năm 1985 tại thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: thôn L, xã S, thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình; Nơi tạm trú hiện nay: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Đình T - SN 1958 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng H - SN 1960; Năm 2015 đến năm 2017 chung sống như vợ chồng với chị Trần Thị D – SN 1985 và có 01 con chung – SN 2015; Vợ: là Lò Thị D – SN 1980 (đã ly hôn) có 01 con chung – SN: 05/6/2019; Tiền sự: không; Tiền án: có 01 tiền án – tháng 11/2017 bị TAND thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình xử phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Nhân thân: Năm 2010 bị TAND huyện H, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy(đã được xóa án tích); tạm giữ: không; bắt tạm giam từ ngày 14/3/2019 cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T:* ông Hoàng Tiến Ng - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên/có mặt
- *Bị hại:* cháu Giàng Tu K – SN: 08/12/2012
- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại Giàng Tu K và là người đại diện hợp pháp cho những người làm chứng Giàng Thị V, Giàng Thị B:* ông Giàng A Ch – SN 1988 và bà Chang Thị L – SN 1990; Cùng trú tại: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Điện Biên/có mặt
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị hại:* ông Đỗ Xuân T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên/có mặt
- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
 - + ông Lò Văn S – SN 1978; Địa chỉ: Đội 8, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên/vắng mặt
 - + anh Nguyễn Văn T – SN 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên/vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
 - + anh Đỗ Hữu Kh – SN 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên/vắng mặt.
 - + ông Giàng A Ch – SN 1988; Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Điện Biên/có mặt
- *Những người làm chứng:*
 - + cháu Giàng Thị V – SN: 02/8/2008/có mặt
 - + cháu Giàng Thị B – SN: 18/6/2010/có mặt. Cùng trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Điện Biên/ có mặt
 - + cháu Mùa Thị Ng – SN 2008, người đại diện hợp pháp cho Mùa Thị Ng: bà Giàng Thị Ch – SN 1972; Cùng trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Điện Biên/vắng mặt.
 - + cháu Giàng Thị S – SN 2008, người đại diện hợp pháp cho Giàng Thị S: ông Giàng A L - SN 1977; Cùng trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Điện Biên/vắng mặt
 - + Giàng Thị H – SN 2008, người đại diện hợp pháp cho Giàng Thị H: ông Giàng A D – SN 1989; Cùng trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Điện Biên/vắng mặt.
- *Người phiên dịch:* ông Lý A V - SN 1980; Địa chỉ: thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên/có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều 12/3/2019, Bị cáo Th mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius của Nguyễn Văn T, trú tại Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện để chở Quảng Văn T đi chơi. Khoảng 16 giờ trên đường đi bị cáo Th đã nói với bị cáo T đi vào xã thấy tài sản nào thì lấy trộm đem bán lấy tiền sử dụng ma túy. Bị cáo Th, bị cáo T đi theo hướng từ thị trấn T vào xã N được khoảng 10 km thì quay lại, khi đi đến nhà anh Giàng A Ch, trú tại bản B, xã N, huyện C, bị cáo T dừng xe vào nhà xin nước uống, còn bị cáo Th chờ ở ngoài. Bị cáo Th chờ được khoảng 05 phút thì đi vào nhà xin nước rửa chân và nhìn thấy có 03 cháu bé đang ngồi chơi chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S màu đen trên chiếc giường gần cửa ra vào phòng khách. Thanh tiến lại gần T và nói: " điện thoại kia lấy đi", nói xong bị cáo Th ra ngoài ngồi xe mô tô chờ bị cáo T. Bị cáo T tiến lại gần các cháu và hỏi là mấy giờ rồi, khi đó có Giàng Thị V chỉ gái

của Giàng Tu K lấy điện thoại trên tay Giàng Tu K xem giờ và trả lời hơn 16 giờ 50 phút và đưa điện thoại lại cho Giàng Tu K cầm, T tiếp tục nói cho chú mượn điện thoại xem nhưng cháu Giàng Tu K không nói gì, T tiến lại gần, dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại đang cầm trên tay cháu K, mang ra ngoài sân giả vờ chụp ảnh rồi đi bộ gần về phía bị cáo Th và nói: "nổ máy chạy nhanh đi", bị cáo T ngồi lên xe, bị cáo Th điều khiển xe mô tô chạy với tốc độ nhanh về hướng trung tâm thị trấn T.

Khi đến thị trấn T, bị cáo Th mang chiếc điện thoại đi bẻ khóa và tháo sim điện thoại tại quán sửa chữa điện thoại của Đỗ Hữu Kh, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện C hết 300.000 đồng, và bị cáo Th đã trả cho Kh 300.000 đồng. Bị cáo Th mang 02 chiếc sim điện thoại vớt tại khu vực gần chợ trung tâm thị trấn T và cùng với bị cáo T mang chiếc điện thoại bán cho Lò Văn S, trú tại Đội 8, xã B, huyện C với giá 1.000.000 đồng. Bán điện thoại xong, bị cáo Th và bị cáo T đến nhà chị Lương Thị H, trú tại Đội 8, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên để chuộc chiếc xe đạp mà bị cáo Th đã cầm trước đó hết 400.000 đồng, còn lại 600.000 đồng, bị cáo Th và bị cáo T chia nhau mỗi người 300.000 đồng. Sau đó, T đã đưa lại cho Th 50.000 đồng để trả tiền xăng xe cho Nguyễn Văn T, số tiền còn lại bị cáo T mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Khi trả xe cho T, bị cáo Th đưa 50.000đ để T mua xăng xe. Số tiền bán điện thoại bị cáo Th mua ma túy sử dụng hết 50.000đ; đối với 02 sim điện thoại cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm kiếm được.

Mục đích các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại để bán lấy tiền chia nhau mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân.

Bị hại và những người làm chứng đều có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về việc giật điện thoại của bị hại.

Đại diện hợp pháp của bị hại và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A Ch sau khi phát hiện mất điện thoại đã đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C trình báo sự việc và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 02 sim điện thoại 300.000đ; chi phí đi lại làm việc với cơ quan Công an 1.200.000đ, mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại 5.000.000đ.

Quá trình điều tra Lò Văn S khai nhận đã mua 01 điện thoại với bị cáo Tha, bị cáo T trị giá 1.000.000đ do không biết chiếc điện thoại do các bị cáo cướp giật mà có và yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000đong bị thiệt hại.

Người có nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T khai đã cho bị cáo Th mượn xe mô tô, nhưng không biết việc bị cáo Th cùng bị cáo T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Anh T đã được bị cáo Th trả xe mô tô và không có yêu cầu gì.

Người có nghĩa vụ liên quan Đỗ Hữu Kh khai do không biết chiếc điện thoại do các bị cáo phạm tội nên đã thực hiện việc bẻ khóa điện thoại và chạy lại phần mềm điện thoại theo yêu cầu bị cáo Th và được bị cáo Th trả 300.000đ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu OPPO A3S ốp lưng nhựa màu vàng nhạt trong suốt và số tiền 250.000đ của bị cáo Th.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu OPPO A3S cho chủ sở hữu hợp pháp Giàng A Ch.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL – ĐGTS ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C đã kết luận: 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S, giá thị trường tại thời điểm tháng 3/2019 là 2.100.000đ; 01 vỏ ốp lưng bằng nhựa màu vàng nhạt trong suốt, giá thị trường tại thời điểm tháng 3/2019 là 10.000đ; 02 sim vinaphone, giá thị trường tại thời điểm tháng 3/2019 là 100.000đ.

Cáo trạng số: 07/CT – VKSHTC ngày 07/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo Quảng Văn T, Hà Nguyễn Đình Th về tội “ *Cướp giật tài sản* ” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của BLHS, xử phạt bị cáo Quảng Văn T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội Cướp giật tài sản; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của BLHS, xử phạt bị cáo Hà Nguyễn Đình Th từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội Cướp giật tài sản; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS: đề nghị chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng của cơ quan cảnh sát điều tra về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp Giàng A Ch 01 chiếc điện thoại OPPO A3S; số tiền 250.000 đồng thu giữ của bị cáo Th cần trả lại cho Lò Văn S; trách nhiệm bồi thường dân sự: đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận việc bị cáo Thanh, bị cáo Tôn đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại các khoản 300.000đ tiền 02 sim điện thoại, 1.200.000đ chi phí đi lại. Đối với yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho bị hại và yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị hại yêu cầu các bị cáo, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại 5.000.000đ xét thấy yêu cầu không có căn cứ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận. Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo T, buộc bị cáo Th phải chịu án phí HSST 200.000đ. Buộc các bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với trách nhiệm bồi thường được chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo T, tại phiên tòa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản luật áp dụng, nhất trí với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS áp dụng mức hình phạt thấp nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát. Về bồi thường trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận việc bị cáo T đồng ý trả 600.000đ chi phí đi lại cho gia đình bị hại. Đại diện hợp pháp của bị hại và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A Ch, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000đ là không có căn cứ, đề nghị tách giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí HSST cho bị cáo T.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Bị hại đề nghị HĐXX không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo, do các bị cáo không ăn năn hối cải, đề nghị xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo. Về bồi thường thiệt hại đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo bồi thường 300.000đ tiền sim điện thoại, 1.200.000đ chi phí đi lại và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu mỗi phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại 5.000.000đ.

Tại phiên tòa các bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều giữ nguyên ý kiến và không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lò Văn S, Đỗ Hữu Kh, Nguyễn Văn T, những người làm chứng: Giàng Thị S, Giàng Thị H, Mùa Thị Ng. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Qua lời khai của các bị cáo và các chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được: Các bị cáo Quàng Văn T, Hà Nguyễn Đình Th vì muốn có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, nên vào khoảng 16 giờ 50 phút ngày 12/3/2019 khi vào nhà anh Giàng A Ch, trú tại thôn bản B, xã N xin uống nước, khi các bị cáo uống nước xong phát hiện các cháu Giàng Tu K, Giàng Thị V, Giàng Thị B đang ngồi xem điện thoại trên giường không có người lớn ở nhà, lợi dụng các cháu là trẻ em không có đủ khả năng để bảo vệ tài sản và chống cự, bị cáo Thanh đã bảo bị cáo Tồn lấy chiếc điện thoại và nhanh chóng tẩu thoát nhằm trốn tránh sự truy đuổi của bị hại. Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo được thực hiện khá tinh vi thủ đoạn bằng hành động bị cáo T tiến lại chỗ các cháu đang ngồi trên giường để trò chuyện với các cháu Giàng Tu K, Giàng Thị V, Giàng Thị B với mục đích giật chiếc điện thoại trên tay cháu Giàng Tu K đang cầm, để che đậy mục đích chiếm đoạt tài sản của mình bị cáo khi dùng tay giật được chiếc điện thoại trên tay cháu Giàng Tu K giả vờ mang điện thoại ra ngoài sân chụp ảnh cho bị cáo Th đang ngồi xe mô tô chờ sẵn. Mục đích các bị cáo cướp giật chiếc điện thoại là đem bán lấy tiền chia nhau sử dụng cho mục đích cá nhân. Số tiền bán được bị cáo T đã mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A Ch, lời khai của người làm chứng đã xác nhận thời gian mất, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt và tài sản cơ quan điều tra đã thu lại được và phù hợp với lời khai của người mua điện thoại Lò Văn S, người đã bẻ khóa điện thoại Đỗ Hữu Kh, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả thực nghiệm điều tra, kết quả nhận dạng, Kết luận định giá tài sản.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã công khai, nhanh chóng chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu OPPO A3S có ốp lưng và 02 sim điện thoại của anh Giàng A Ch trị giá 2.210.000đ trên tay bị hại cháu Giàng Tu K. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Cướp giật tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của BLHS. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Lời bào chữa của Người bào chữa cho bị cáo T về tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS và đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận về các khoản trách nhiệm bồi thường dân sự là có căn cứ HĐXX chấp nhận.

Xét tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bột phát, bị cáo Th là người khởi xướng và bị cáo T là người trực tiếp thực hành, sau khi bán được điện thoại các bị cáo chia tiền như nhau để sử dụng cho mục đích cá nhân, do đó cần xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo như nhau. Các Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng ngăn ngừa tội phạm, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội. Tuy nhiên qua vụ án này cũng cho thấy rằng việc quản lý trẻ em của người lớn thiếu chặt chẽ và sơ hở, đã tạo điều kiện, động cơ cho các bị cáo phạm tội, đây là lời cảnh tỉnh cho các bậc cha mẹ trong việc chăm sóc con trẻ.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Quảng Văn T đã bị TAND huyện C xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 04/2018/HSST ngày 12/3/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt chính ngày 19/10/2018, nhưng chưa thi hành xong khoản tiền trách nhiệm bồi thường dân sự; bị cáo Hà Nguyễn Đình Th bị TAND thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình xử phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 29/2017/HSST ngày 22/11/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt chính ngày 02/3/2018. HĐXX thấy các bị cáo đều đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại các điều 70,73 của BLHS tính đến ngày các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản chưa hết thời hạn được coi là xóa án tích, do đó các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra, bị cáo Th đã tác động đến gia đình tự nguyện giao nộp số tiền 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện C để bồi thường thiệt hại 02 sim điện thoại cho gia đình Bị hại, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[4] Xét về nhân thân:

Bị cáo Quảng Văn T: tháng 7/2015 bị TAND huyện C, tỉnh Điện Biên áp dụng xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 22 tháng, chấp hành xong ngày

27/4/2017, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Hà Nguyễn Đình Th: tháng 6/2010 bị TAND huyện H, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tuy đã được xóa án tích, nhưng đây vẫn coi bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người nghiện chất ma túy, không có tài sản riêng, không có thu nhập thường xuyên nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo Th đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa 300.000đ để bồi thường thiệt hại 02 sim điện thoại cho Bị hại. Tại phiên tòa bị cáo Th tự nguyện bồi thường thay bị cáo T số tiền 150.000đ và không yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền này. Tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận và nhất trí các bị cáo bồi thường 300.000đ, nên HĐXX thấy cần ghi nhận sự tự nguyện và thỏa thuận của các bên, cần buộc bị cáo Th phải bồi thường thiệt hại cho Bị hại số tiền 300.000đ.

HĐXX thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên về việc bồi thường chi phí đi lại 1.200.000đ cho bị hại buộc mỗi bị cáo phải trả 600.000đ chi phí đi lại; buộc các bị cáo bồi thường tiền mua điện thoại cho Lò Văn S 1.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 500.000đ; Người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường 5.000.000đ cho bị hại nhưng không xuất trình được các chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu bồi thường là có căn cứ, do đó HĐXX thấy cần tách yêu cầu bồi thường này giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về các vấn đề khác có liên quan:

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lò Văn S, Đỗ Hữu Kh, Nguyễn Văn T quá trình điều tra đã làm rõ những người này không biết việc các bị cáo cướp giật tài sản người khác, cũng như không biết việc các bị cáo sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã sử dụng số tiền bán chiếc điện thoại cướp giật được để mua ma túy sử dụng, nhưng không xác định được người bán ma túy cho các bị cáo là ai, ở đâu nên HĐXX không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[8] Về vật chứng vụ án:

01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu OPPO A3S, cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Giàng A Ch là phù hợp với quy định, nên HĐXX chấp nhận.

Số tiền 250.000đ đồng thu giữ của bị cáo Th đã làm rõ được, do bị cáo có hành vi gian dối nguồn gốc chiếc điện thoại để bán lấy tiền, nên cần hoàn trả lại cho Lò Văn S số tiền 250.000đ là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Tuy

nhiên tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường 600.000đ cho gia đình bị hại, 500.000đ cho Lò Văn S nên bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 300.000đ; Buộc bị cáo Thanh phải chịu án phí HSST 200.000đ và án phí dân sự có giá ngạch 300.000đ, tổng cộng bị cáo Th phải chịu án phí 500.000đ.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, Bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Quảng Văn T, Hà Nguyễn Đình Th phạm tội: Cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của BLHS xử phạt bị cáo Quảng Văn T 04(bốn) năm 10(mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2019.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của BLHS xử phạt bị cáo Hà Nguyễn Đình Th 04(bốn) năm 10(mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2019.

2. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 của BLHS, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của BLDS, Điều 30 của BLTTHS:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Th và gia đình bị hại bồi thường thiệt hại 300.000đ đối với 02 chiếc sim điện thoại, số tiền bị cáo Th phải bồi thường được trừ trong số tiền 300.000đ gia đình bị cáo đã nộp, hiện Cơ quan thi hành án dân sự đang quản lý theo biên lai thu tiền ngày 02/8/2019 giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và Cơ quan thi hành án dân sự huyện C và ông Giàng A Ch là người nhận số tiền trên.

Buộc các bị cáo Quảng Văn T, Hà Nguyễn Đình Th phải liên đới bồi thường chi phí đi lại cho bị hại Giàng Tu K tổng số tiền 1.200.000đ; bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn S tổng số tiền 1.000.000đ. trong đó bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường chi phí đi lại cho bị hại Giàng Tu K 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*), phải bồi thường cho Lò Văn S 500.000đ(*năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Hà Nguyễn Đình Th phải bồi thường chi phí đi lại cho bị hại Giàng Tu K 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*), phải bồi thường cho Lò Văn S 500.000đ(*năm trăm nghìn đồng*), nhưng bị cáo được khấu trừ từ số tiền 250.000đồng bị thu giữ để hoàn trả cho Lò Văn S, bị cáo Th còn phải bồi thường tiếp số tiền 250.000đ cho Lò Văn S.

Số tiền các bị cáo bồi thường cho bị hại do người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Giàng A Ch nhận thay bị hại.

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của người đại diện hợp pháp của bị hại, yêu cầu các bị cáo bồi thường 10.000.000đ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi bị hại có yêu cầu.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án nếu các bị cáo không chịu trả số tiền nêu trên đối với Lò Văn S, Giàng A Ch thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015: Trả lại số tiền 250.000đồng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn S – SN 1978; Địa chỉ: Đội 8, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

Số vật chứng nêu trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tủa Chùa và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn T. Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 300.000đồng.

Áp dụng Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 3 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2019 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hà Nguyễn Đình Th phải chịu án phí HSST 200.000đồng và phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 300.000đồng. Buộc bị cáo Th phải chịu án phí tổng cộng là 500.000đồng.

5. Kháng cáo:

Các Bị cáo, Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A Ch có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2019).

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Giàng A Chang, ông Lò Văn Soan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAT;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện C;
- CQĐT, bộ phận HSNV CA huyện;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- CQTHAHS CAH C;
- THADS huyện C;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- Các Bị cáo;
- Bị hại và người ĐDHP của Bị hại;
- Người BVQLIHP; NBC;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: HSVA; HSTHA.

Tòng Thị Lan